

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 24-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự.

Ông Nguyễn Khắc Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2018/TLST-HS ngày 31-5-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 12-6-2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 09-7-2018, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Xuân Q, sinh ngày 20-4-1973 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 10 đường S, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Hoàng Xuân M và bà Đinh Thị V; có vợ là Đinh Thị Th (đã ly hôn); có ba con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 25-10-2017 đến ngày 31-10-2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Hoàng Đình C, sinh ngày 31-01-1992 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Hoàng Đình Th và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 25-10-2017 đến ngày 31-10-2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Hà Công D, sinh ngày 28-5-1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Khu tập thể Du lịch, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hà Công B và bà Hoàng Thị H; có vợ là Trần Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự:

Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 25-10-2017 đến ngày 31-10-2017 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Thị H, sinh ngày 02-3-1960 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Khu tập thể Du lịch, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; con ông Hoàng Xuân M và bà Đinh Thị V; chồng là: Hà Công B, sinh năm 1956; có 02 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Cao Văn Th, sinh năm 1949 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/10; con ông Cao Văn T và bà Đinh Thị K; có vợ là Lê Thị M; có 01 con sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Th:* Bà Đỗ Phương Th - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 3/32 Sơn Hải, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị T2; sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 5, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 4, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn H; vắng mặt.

2. Bà Đinh Thị T; vắng mặt.

3. Bà Lương Thị N; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị B; vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị H; vắng mặt.

6. Chị Phạm Thị H; vắng mặt.

7. Anh Trần Thanh T; vắng mặt.

8. Anh Đào Nhật L; vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Tuấn Tr; vắng mặt.

10. Anh Đỗ Quang H; vắng mặt.

11. Anh Bùi Hữu Th; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2016, Hoàng Xuân Q bắt đầu thu nhận các bảng ghi lô, đề của một số người bán số lô, đề trên địa bàn quận Đồ Sơn. Theo thỏa thuận, Q sẽ trả tiền phần trăm cho những người ghi lô, đề để chuyên bảng lô, đề cho Q. Cụ thể: Q trả từ 04% - 05% trên tổng số tiền khách đánh lô (bao); 10% - 16% đánh đề; 10% - 18% đánh xiên 2, xiên 3, xiên 4 và ba càng cho người ghi lô, đề. Q lấy kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 15 phút hàng ngày để xác định xem khách có trúng hay không, theo tỷ lệ trúng đề thì khách được hưởng 80 lần số tiền khách đánh; trúng lô (bao) được hưởng 3,5 lần; trúng xiên hai được hưởng 16 lần; trúng xiên ba được hưởng 48 lần; trúng xiên bốn được hưởng 180 lần; trúng ba càng được hưởng 400 lần.

Q thuê Hoàng Đình C đi thu các bảng lô, đề vào các buổi chiều hàng ngày, mỗi tháng Q trả cho C 4.000.000 đồng tiền công. Đồng thời, Q trực tiếp nhận bảng lô, đề của một số người khác mang đến nhà hoặc chuyển qua máy fax (đăng ký thuê bao số 02253.862.219). Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc, Q sẽ so sánh với các bảng đề đã thu được và xác định số tiền thắng, thua của từng bảng, số tiền phần trăm phải trả cho người ghi lô, đề theo hình thức ngày hôm sau sẽ thanh toán tiền của ngày hôm trước. Đối với số tiền thắng, thua của từng bảng lô, đề, Q sẽ thanh toán trực tiếp với người bán lô, đề hoặc đưa tiền cho C để C trả cho người bán lô, đề.

Khoảng 18 giờ 10 phút, ngày 24-1-2017, trong khi Q đang thu nhận 21 bảng lô, đề ghi tổng số tiền là 68.094.000 đồng (trong đó, Q trực tiếp nhận 11 bảng lô, đề với tổng số tiền là 34.860.000 đồng; Có trực tiếp nhận rồi chuyển cho Q 10 bảng lô, đề với tổng số tiền là 33.234.000 đồng) thì bị Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng gồm:

41.600.000 đồng, gồm: 37.685.000 đồng thu giữ của Hoàng Xuân Q; 1.245.000 đồng do Hà Công D tự nguyện giao nộp; 440.000 đồng do Hoàng Thị T2 tự nguyện giao nộp; 895.000 đồng do Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp; 1.335.000 đồng do Nguyễn Hữu Q tự nguyện giao nộp;

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Hoàng Đình C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE của D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của T2;

21 bảng ghi lô đề với tổng số tiền 68.094.000 đồng; 05 tem ghi lô, đề với tổng số tiền 8.800.000 đồng; 02 máy fax của Q; 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến, mã số 2920 của D; 01 quyển sổ màu xanh nhãn hiệu Notebook của T2;

Trong 21 bảng lô, đề mà Q nhận được vào ngày 24-10-2017, có:

08 bảng ghi lô đề với tổng số tiền ghi là 18.425.000 đồng Q nhận trực tiếp, trong đó có bảng của D ghi số tiền bán lô, đề là 7.345.000 đồng;

10 bảng ghi lô, đề do Có chuyển cho Q ghi tổng số tiền là 33.234.000 đồng trong đó có bảng của Hoàng Thị H ghi số tiền bán lô, đề là 6.180.000 đồng, bảng của Cao Văn Th ghi số tiền bán lô, đề là 5.780.000 đồng;

03 bảng với tổng số tiền là 16.435.000 đồng Q nhận trực tiếp qua máy fax của Nguyễn Sơn N (sinh năm 1984, ở tổ 3, N, Đồ Sơn) và một số đối tượng không rõ nhân thân lai lịch với tổng số tiền ghi lô đề là 10.600.000 đồng.

Số tiền Q hưởng lợi từ việc bán lô, đề, nhận và chuyển bảng lô, đề trong ngày 24-10-2017 là 21.009.000 đồng trên tổng số 21 bảng lô, đề. Cho đến ngày 24-10-2017, Có đã được hưởng khoảng 30.000.000 đồng tiền công từ Q.

Số tiền D, Hà và Th được hưởng lợi từ việc chuyển bảng lô, đề cho Q trong ngày 24-10-2017 lần lượt là 833.650 đồng, 767.000 đồng và 504.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ, chiều ngày 24-10-2017, các đối tượng chuyển bảng lô, đề cho Q và Có được hưởng tiền phần trăm như sau: Nguyễn Thị B chuyển 1.870.000 đồng, được hưởng lợi 137.800 đồng; Hoàng Thị T2 chuyển 4.345.000 đồng, hưởng lợi 542.000 đồng; Phạm Thị H chuyển 1.930.000 đồng, hưởng lợi 272.500 đồng; Nguyễn Hữu Q chuyển 1.335.000 đồng, hưởng lợi 204.050 đồng; Lương Thị N chuyển 1.600.000 đồng, hưởng lợi 130.550 đồng; Phạm Thị H chuyển 2.840.000 đồng, hưởng lợi 409.500 đồng; Đinh Thị T chuyển 4.070.000 đồng, hưởng lợi 317.000 đồng; Phạm Văn H chuyển 2.869.000 đồng, hưởng lợi 542.000 đồng; Nguyễn Thanh H chuyển 895.000 đồng, hưởng lợi 115.300 đồng.

Các đối tượng mua lô, đề vào ngày 24-10-2017 gồm: Bùi Hữu Th mua của T2 hết 1.800.000 đồng; Đỗ Quang H (mua của T2 hết 1.600.000 đồng; Đào Nhật L mua của D hết 1.700.000 đồng; Trần Thanh T mua của D hết 1.900.000 đồng; Nguyễn Tuấn T mua của D hết 1.800.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 30-5-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố Hoàng Xuân Q và Hoàng Đình C về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Hà Công D, Hoàng Thị H và Cao Văn Th về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Q, C, D, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ đúng như cáo trạng đã nêu; việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Bị cáo Th vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của họ phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính

chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ của Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Q), xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân Q mức án từ 30 đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Hoàng Đình C mức án từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Tổ chức đánh bạc”; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C; phạt tiền bị cáo Q từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 65; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Hà Công D từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”; bị cáo Hoàng Thị H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D và bị cáo H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 36; điểm i, p, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Cao Văn Th từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo Th; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Th.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 21 bảng ghi lô, đề; 05 tem ghi lô, đề; 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến của D; 01 quyển sổ màu xanh nhãn hiệu NoteBook của T2; tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 02 máy Fax nhãn hiệu Panasonic KX-FT987 thu giữ của Q.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 41.600.000 đồng, gồm: 31.585.000 đồng thu giữ của Q; 6.100.000 đồng thu giữ của D; 1.245.000 đồng do D tự nguyện giao nộp; 440.000 đồng do Hoàng Thị T2 tự nguyện giao nộp; 895.000 đồng do Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp; 1.335.000 đồng do Nguyễn Hữu Q tự nguyện giao nộp.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 7.345.000 đồng là tiền bị cáo D bán lô, đề ngày 24-10-2017 (nhưng được trừ vào số tiền 6.100.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 1.245.000 đồng tiền bị cáo tự nguyện nộp lại); 6.180.000 đồng là tiền bị cáo H bán lô, đề ngày 24-10-2017; 5.780.000 đồng là tiền bị cáo Th bán lô, đề ngày 24-10-2017;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 30.000.000 đồng là tiền bị cáo C được trả công trong quá trình được Q thuê đi thu nhận bảng lô, đề.

Trả lại: 01 điện thoại OPPO cho chủ sở hữu là bị cáo C, 01 điện thoại Iphone màu trắng cho chủ sở hữu là bị cáo D (nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án); 01 điện thoại SAMSUNG cho chủ sở hữu là chị Hoàng Thị T2.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Q, C, D, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Th được miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Th: Nhất trí với đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Th và đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người khuyết tật nặng cho bị cáo Th được hưởng 09 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Th.

Các bị cáo Q, C, D, H thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an quận Đồ Sơn; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về việc vắng mặt của bị cáo Cao Văn Th*: Bị cáo Th có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bị bệnh bại liệt bẩm sinh, không đi lại được, sức khỏe yếu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo Th theo điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về tội danh*:

[3] Lời khai của bị cáo Hoàng Xuân Q, Hoàng Đình C, Hà Công D, Hoàng Thị H tại phiên tòa phù hợp các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án. Được chứng minh bằng lời khai của bị cáo Cao Văn Th, người làm chứng; người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan; biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản đối chất, biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng, biên bản khám xét và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Khoảng giữa năm 2016, Q bắt đầu thu nhận các bảng lô, đề của một số người bán lô, đề trên địa bàn quận Đồ Sơn. Theo thỏa thuận, Q sẽ trả tiền phần trăm cho những người bán lô, đề để chuyển bảng lô, đề cho Q. Cụ thể: Q trả từ 04% - 05% trên tổng số tiền khách đánh lô (bao); 10% - 16% đánh đề; 10% - 18% đánh xiên 2, xiên 3, xiên 4 và ba càng cho người bán lô, đề. Q lấy kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 15 phút hàng ngày để xác định xem khách có trúng hay không, theo tỷ lệ trúng đề thì khách được hưởng 80 lần số tiền khách đánh; trúng lô (bao) được hưởng 3,5 lần; trúng xiên hai được hưởng 16 lần; trúng xiên ba được hưởng 48 lần; trúng xiên bốn được hưởng 180 lần; trúng ba càng được hưởng 400 lần. Q thuê C đi thu các bảng lô, đề vào các buổi chiều hàng ngày theo chỉ đạo của Q, mỗi tháng Q sẽ trả cho C 4.000.000 đồng tiền công. Trong ngày 24-10-2017, tại số nhà 10 đường Sơn Hải, phường V, quận Đ, Q, C bị bắt quả tang, đã thu giữ 21 bảng ghi lô, đề với tổng số tiền là 68.049.000 đồng. Theo tính toán, Q được hưởng lợi 21.009.000 đồng, C được trả lương khoảng 30.000.000 đồng tiền công trong thời gian làm thuê cho Q.

[4] D, H và Th có hành vi bán lô, đề ngày 24-10-2017 cho Q để hưởng tiền phần trăm; D bán lô, đề được tổng số tiền 7.345.000 đồng và chuyển bảng lô, đề cho Q để hưởng lợi 833.650 đồng; H bán lô, đề được 6.180.000 đồng và chuyển bảng lô, đề cho Q hưởng lợi 767.000 đồng; Th bán lô, đề được 5.780.000 đồng và chuyển bảng lô, đề cho Q để hưởng lợi 504.000 đồng.

[5] Các bị cáo Q, C, D, H và Th là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích thu lợi. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo Q và C đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi của bị cáo Q và C phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo D, H và Th đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo Q, C, D, H và Th xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội. Hiện nay trên cả nước nói chung tình trạng chơi lô, đề, đánh bạc hình thức khác là rất phổ biến, những người chơi coi đây là trò chơi hàng ngày, nên cần xử lý nghiêm để cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Đây là vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên, chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Q là người thu nhận các bảng lô, đề, nhận tiền và trả phần trăm cho những người bán lô, đề. Bị cáo C với vai trò giúp sức, được Q thuê đi thu, nhận bảng lô, đề và trả tiền phần trăm cho những người bán lô, đề. Các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, bị cáo C chỉ là người hàng ngày đi nhận các bảng lô, đề và cũng như làm một số công việc khác của Q, được nhận lương từ Q. Q, C cũng không bàn bạc chi tiết, cụ thể việc tổ chức đánh bạc thế nào, ăn chia ra sao, chi trả % cho những người bán lô, đề thế nào. Nên hành vi của bị cáo Q và C là hoàn toàn độc lập, đơn giản. Các bị cáo D, H và Th có hành vi bán lô, đề cho Q để hưởng tiền phần trăm; bị cáo D bán lô, đề được tổng số tiền nhiều hơn bị cáo Hà, Hà nhiều hơn Th nên vai trò của các bị cáo là khác nhau.

[9] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Q, C, D, H và Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[10] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo Q, C, D, H và Th trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s; bị cáo Th là người khuyết tật nặng theo điểm p; bị cáo D, H và Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i; bị cáo Q có anh trai là liệt sĩ; bị cáo C có anh trai tham gia Q đội và ông ngoại là người có công với cách mạng, thương binh hạng $\frac{3}{4}$, bố đẻ là người khuyết tật nặng; bị cáo D có bác ruột là liệt sĩ, bố đẻ tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; bị cáo H có anh trai là liệt sĩ, chồng là người có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Bị cáo Q, C, D, H và Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Đại diện Viện Kiểm sát, người bào chữa (đối với bị cáo Th) đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Q, C, D và H được hưởng án treo và bị cáo Th được hưởng án cải tạo không giam giữ. Xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã nhận thức được sự sai trái của mình để khắc phục, sửa chữa; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo Q, C, D và H được hưởng án treo và bị cáo Th được hưởng án cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cũng cần xem xét, không nhất thiết phải bắt các bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65, Điều 36 Bộ luật Hình năm 2015, xử cho các bị cáo Q, C, D và H được hưởng án treo và bị cáo Th hưởng án cải tạo không giam giữ là phù hợp, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[12] *Về khấu trừ thu nhập:* Do bị cáo Th là người khuyết tật nặng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[13] *Về hình phạt bổ sung*: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo C, D, H và Th thì các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, bị cáo Th là người khuyết tật nặng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo D, H và Th theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (bị cáo C theo quy định tại khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015). Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q theo quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 (vì nhẹ hơn khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015).

- *Về xử lý vật chứng*:

[14] Số tiền 41.600.000 đồng, gồm: 31.585.000 đồng thu giữ của Q; 6.100.000 đồng thu giữ của D; 1.245.000 đồng do D tự nguyện giao nộp; 440.000 đồng do T2 tự nguyện giao nộp; 895.000 đồng do Hải tự nguyện giao nộp; 1.335.000 đồng do Nguyễn Hữu Q tự nguyện giao nộp là số tiền đã dùng vào việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[15] 02 máy Fax nhãn hiệu Panasonic KX-FT987 thu giữ của Q là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

[16] 01 điện thoại OPPO thu giữ của C, 01 điện thoại Iphone màu trắng thu giữ của D, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu (nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án); 01 điện thoại SAMSUNG thu giữ của T2 không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, T2 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho T2;

[17] 21 bảng ghi lô, đề (ghi tổng số tiền bán lô, đề là 68.094.000 đồng), 05 tem ghi lô, đề (ghi tổng số tiền bán lô, đề là 8.800.000 đồng); 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến của D; 01 quyển sổ màu xanh nhãn hiệu NoteBook của T2 là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[18] Buộc các bị cáo D, H, Th phải nộp lại số tiền đã bán lô, đề trong ngày 24-10-2017 để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bị cáo D phải nộp lại 7.345.000 đồng (nhưng được trừ vào số tiền 6.100.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 1.245.000 đồng tiền bị cáo tự nguyện nộp lại), bị cáo D đã nộp đủ 7.345.000 đồng; bị cáo H phải nộp lại số tiền 6.180.000 đồng; bị cáo Th phải nộp lại số tiền 5.780.000 đồng theo b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

[19] Buộc bị cáo C phải nộp lại 30.000.000 đồng là số tiền công trong thời gian được Q thuê đi thu, nhận các bảng lô, đề để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về vấn đề khác*:

[20] Đối với Hoàng Thị T2, Phạm Văn H, Nguyễn Thị B, Đinh Thị , Phạm Thị H, Phạm Thị H, Lương Thị N, Nguyễn Hữu Q, Nguyễn Thanh H có hành vi bán lô, đề cho Q; Trần Thanh T, Đào Nhật L, Nguyễn Tuấn Tr có hành vi mua số lô, đề của D; Đỗ Quang H, Bùi Hữu Th có hành vi mua số lô, đề của T2. Do số tiền mua bán lô, đề chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và nhân thân những đối tượng này chưa có tiền án về tội Đánh bạc, Tổ chức đánh bạc, Gá bạc nên Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành xử lý hành chính là đúng quy định pháp luật.

[21] Đối với các đối tượng bán số lô, đề cho Q, tài liệu điều tra chưa xác định được căn cước lai lịch cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[22] Đối với Nguyễn Sơn N, quá trình điều tra N vắng mặt tại địa phương, không có lời khai trong hồ sơ. Q không nhận dạng được N qua ảnh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

[23] Việc Q khai đã nhận các băng lô, đề từ những người bán lô, đề và lời khai của những người bán lô, đề cho Q khai nhận trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến trước ngày 24-10-2017. Các tài liệu điều tra không thể chứng minh được số tiền thua, thắng là bao nhiêu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có căn cứ xử lý là đúng quy định pháp luật.

[24] Đối với số tiền 180.000.000 đồng thu giữ trong nhà Q vào ngày 24-10-2017, qua điều tra xác minh số tiền này không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lê Thị H là đúng quy định pháp luật.

[25] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ của Bộ luật Hình sự năm 2015 (khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với Q), xử phạt:

Bị cáo Hoàng Xuân Q 30 (*Ba mươi*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Bị cáo Hoàng Đình C 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (*Bốn mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Phạt tiền bị cáo Q 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Q và bị cáo C cho Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Q và bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 65; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Hà Công D 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Hoàng Thị H 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo D và bị cáo H cho Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo D và bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 36; điểm i, p, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Cao Văn Th 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Th tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trong trường hợp người bị cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 21 bảng ghi lô, đề; 05 tem ghi lô, đề; 01 quyển sổ nhãn hiệu Hải Tiến của D; 01 quyển sổ màu xanh nhãn hiệu NoteBook của Hoàng Thị T2;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 02 máy Fax nhãn hiệu Panasonic KX-FT987 thu giữ của Q.

Trả lại: 01 điện thoại OPPO cho chủ sở hữu là bị cáo C, 01 điện thoại Iphone màu trắng cho chủ sở hữu là bị cáo D (nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án); 01 điện thoại SAMSUNG cho chủ sở hữu là chị Hoàng Thị T2.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 41.600.000 (*Bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn*) đồng, gồm: 31.585.000 đồng thu giữ của Q; 6.100.000 đồng thu giữ của D; 1.245.000 đồng do D tự nguyện giao nộp; 440.000 đồng do Hoàng Thị T2 tự nguyện giao nộp; 895.000 đồng do Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp; 1.335.000 đồng do Nguyễn Hữu Q tự nguyện giao nộp.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 7.345.000 (*Bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng là tiền bị cáo D bán lô, đề ngày 24-10-2017 (nhưng được trừ vào số tiền 6.100.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang và 1.245.000 đồng tiền bị cáo tự nguyện nộp lại), bị cáo D đã nộp đủ 7.345.000 đồng; 6.180.000 (*Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn*) đồng là tiền bị cáo H bán lô, đề ngày 24-10-2017; 5.780.000 (*Năm triệu bảy trăm tám mươi nghìn*) đồng là tiền bị cáo Th bán lô, đề ngày 24-10-2017;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng là tiền bị cáo C được trả công trong quá trình được Q thuê đi thu nhận băng lô, đề.

(Theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 07-5-2018 và Biên lai thu tiền số 6174 ngày 07-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc các bị cáo Q, C, D, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Th được miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo Q, C, D, H và người bào chữa cho bị cáo Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị cáo Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H, chị Hoàng Thị T2, anh Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Hữu Q có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường V, UBND phường V, quận Đ;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

- Công an TP Hải Phòng (PV27, PV21);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.